TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 288/2024/HS-PT
Ngày: 28-6-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Hưng

Các Thẩm phán: Ông Ngô Thanh Sỹ

Ông Võ Văn Toàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa*:**
Bà Tống Thị Thu Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 110/2024/TLPT-HS ngày 18 tháng 3 năm 2024 đối với bị cáo Lê Văn T do có kháng cáo của bị cáo và người đại diện hợp pháp, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 13/2024/HS-ST ngày 17 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo và kháng nghị:

Lê Văn T, tên gọi khác: Không, sinh năm 2007, tại Cà Mau; Nơi đăng ký thường trú: Ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau; Nơi cư trú: Khu phố L, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; không rõ cha, mẹ là Phạm Thị M, sinh năm 1974; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo được tại ngoại, bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú – có mặt.

Người kháng cáo, đồng thời là người đại diện hợp pháp của bị cáo: Bà Phạm Thị M, sinh năm 1974; địa chỉ: Khu phố L, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai – có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Nguyễn Thị Hoài T, sinh năm 1974 - Là trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Đồng Nai – có đơn đề nghị vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tối ngày 29/6/2023, Lê Văn T và Trần Long Đ đến quán nước "Vy Vy" gặp Trần Thị L (Trần Kim L) uống nước, trong khi cùng uống nước thì L rủ T và Đ đi trộm cắp tài sản về bán chia nhau tiêu xài thì Đ và T đồng ý. Đến 23 giờ 50 phút cùng ngày, T điều khiển xe mô tô biển số 69E1-608.25 chở L và Đ đến nhà trọ Hoàng Thân ở ấp 7, xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai để trộm cắp tài sản nhưng do cổng chính dãy trọ đã khóa cửa nên Thình điều khiển xe mô tô trên chở Đ và L về phòng trọ của T ở khu phố L, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai để lấy 01 cái mỏ lết và 01 cái cờ lê rồi quay lại nhà trọ Hoàng Thân để tiếp tục trộm cắp tài sản. Khi quay lại, T ở ngoài và ngồi trên xe mô tô để cảnh giới còn Đ và L trèo cổng vào bên trong dãy trọ. Lúc này Đ dùng mỏ lết bẻ khóa cửa cổng còn L vào trong tìm tài sản thì nhìn thấy 01 xe mô tô biển số 60B6-11037 của anh Lê Văn Đ, sinh năm 1988, trú tại ấp A, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai (đang dựng trong kho) nên trộm cắp xe này của anh Đ đẩy ra ngoài cổng nhưng do Đ chưa phá được khóa cửa nên L đứng canh cho Đ phá khóa. Cùng lúc này anh Đ phát hiện nên tri hô thì T và Đ bỏ chạy thoát còn L bị phát hiện bắt quả tang. Đến ngày 30/6/2023, T và Đ đến cơ quan công an đầu thú.

Tại kết luận định giá tài sản số 299/KL.HĐĐGTS ngày 06/7/2023 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự huyện Long Thành kết luận: 01 xe mô tô biển số 60B6-11037 có trị giá 5.750.000 đồng.

Tại Bản kết luận giám định về độ tuổi trên người sống số 0676 ngày 07/7/2023 của Trung tâm pháp y-Sở y tế tỉnh Đồng Nai kết luận: Độ tuổi của Trần Thị L (Trần Kim L) là 15 năm 06 tháng đến 16 năm 06 tháng kể từ ngày giám định ngày 05/7/2023.

Tại Bản kết luận giám định về độ tuổi trên người sống số 0677 ngày 07/7/2023 của Trung tâm pháp y- Sở y tế tỉnh Đồng Nai kết luận: Độ tuổi của Trần Long Đ là 20 năm đến 21 năm kể từ ngày giám định ngày 05/7/2023.

Tại Bản kết luận giám định về độ tuổi trên người sống số 0832 ngày 16/8/2023 của Trung tâm pháp y- Sở y kết tỉnh Đồng Nai kết luận: Độ tuổi của Lê Văn T là 16 năm 06 tháng đến 17 năm 06 tháng kể từ ngày giám định ngày 11/8/2023.

Tại văn bản số 417/TTPY/2023 ngày 28/7/2023 và số 495/TTPY/2023 ngày 29/8/2023 của Trung tâm Pháp y Đồng Nai xác định theo các Bản kết luận giám định độ tuổi nêu trên, tính tại thời điểm ngày 30/6/2023, thì độ tuổi của Lê Văn T là 16 năm 4 tháng 19 ngày đến 17 năm 4 tháng 19 ngày; độ tuổi của Trần Thị L (Trần Kim L) là 15 năm 5 tháng 25 ngày đến 16 năm 5 tháng 25 ngày; độ tuổi của Trần Long Đ là 20 năm 11 tháng 25 ngày đến 21 năm 11 tháng 25 ngày.

Vật chứng vụ án:

- 01 xe mô tô biển số 60B6-110.37 là tài sản của người bị hại anh Lê Văn Đ cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Đàng. Đối với 01 xe mô tô biển số 69 E1-608.25 thu giữ của bị cáo Lê Văn T là tài sản của bà Phạm Thị M mẹ ruột của bị cáo T bị cáo tự ý sử dụng chưa có sự đồng ý của bà M và bà M không biết bị cáo T sử dụng vào việc phạm tội nên cơ quan điều tra đã trả lại cho bà M.

- 01 cái mỏ lết bằng kim loại màu trắng dài 30cm và 01 cái cờ lê bằng kim loại dài 17cm là công cụ, phương tiện liên quan đến việc phạm tội.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Lê Văn Đ đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường dân sự.

Tại bản Cáo trạng số: 213/CT-VKSLT ngày 16/10/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai truy tố các bị cáo Đ và T để xét xử về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2024/HS-ST ngày 17 tháng 01 năm 2024, Tòa án nhân dân huyện Long Thành đã áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 90 và Điều 91 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Ngoài ra, bản án còn tuyên về tội danh và hình phạt đối với Trần Long Đ, về xử lý vật chứng, nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 24/01/2024, bị cáo và người đại diện hợp pháp kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị xem xét cho hưởng án treo với lý do: Khi phạm tội chưa đủ 18 tuổi; chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; gây thiệt hại không lớn; bị cáo không có cha từ nhỏ, sống với mẹ, điều kiện gia đình khó khăn nên không được học tập đến nơi đến chốn.

Tại Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 21/QĐ-VKSLT ngày 30/01/2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành kháng nghị một phần bản án sơ thẩm, đề nghị sửa một phần bản án, cho bị cáo Lê Văn T được hưởng án treo với quan điểm như sau: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm giúp sức. Có 03 tình tiết giảm nhẹ đã được bản án ghi nhận là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội tự nguyện ra đầu thú; giá trị tài sản chiếm đoạt không lớn (5.750.000đ) đã thu hồi giao trả bị hại; bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Khi thực hiện hành vi phạm tội chỉ mới 16 tuổi 04 tháng 19 ngày nên áp dụng hình phạt 06 tháng tù là quá nghiêm khắc, không đảm bảo tinh thần về nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội quy định tại Điều 91 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo và người đại diện hợp pháp giữ nguyên kháng cáo.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa, có đủ căn cứ xác định hành vi của bị cáo phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự như án sơ thẩm đã tuyên. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội nên cần có hình phạt nghiêm

để giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung, cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 06 tháng tù là phù hợp. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ hình sự, tại cấp phúc thẩm bị cáo và người đại diện hợp pháp cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ mới chưa được xem xét và căn cứ quy định chung về xử lý hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo và kháng nghị, áp dụng thêm Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo, sửa bản án sơ thẩm về hình phạt.

- Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo tại bản Luận cứ bào chữa: Nội dung và tình tiết của vụ án đã được thể hiện rõ trong hồ sơ vụ án cũng như tại bản án sơ thẩm số 13/2024/HS-ST ngày 17 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành. Ngoài các tình tiết giảm nhẹ được cấp sơ thẩm áp dụng, tại cấp phúc thẩm bị cáo Lê Văn T cung cấp thêm tài liệu xác định có nơi cư trú rõ ràng, có hoàn cảnh khó khăn. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm Điều 65 của Bộ luật Hình sự, cho bị cáo được hưởng án treo để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, đồng thời đảm bảo nguyên tắc xét xử đối với người chưa thành niên phạm tội, chủ yếu là giáo dục, răn đe, tạo điều kiện cho bị cáo sửa chữa sai lầm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo, kháng nghị thực hiện quyền kháng cáo trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Bị cáo và người đại diện hợp pháp đồng ý xét xử vắng mặt người bào chữa nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Văn T khai nhận toàn bộ hành vi đã thực hiện, phù hợp với hành vi của bị cáo được mô tả tại Cáo trạng, Bản án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ nên có đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo đã phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) như án sơ thẩm đã tuyên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về kháng cáo, kháng nghị:

[3.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phạm.

[3.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo là người dưới 18 tuổi, tham gia với vai trò giúp sức, giá trị tài sản chiếm đoạt không lớn, sau khi phạm tội đã ra đầu thú.

[3.3] Về hình phạt: Cấp sơ thẩm trên cơ sở đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi của bị cáo gây ra và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được áp dụng, quy định về xử lý hình sự đối với người dưới 18 tuổi, xử phạt bị cáo mức án 06 tháng tù là phù hợp. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo và người đại diện hợp pháp cung cấp thêm tình tiết mới thể hiện bị

cáo có nơi cư trú rõ ràng, gia đình có hoàn cảnh gia đình khó khăn được địa phương xác nhận, là tình tiết giảm nhẹ mới chưa được xem xét.

Xét thấy, bị cáo không phạm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào, có nhiều tình tiết giảm nhẹ như viện dẫn nêu trên, ngoài lần phạm tội này và từ khi áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay bị cáo không thực hiện hành vi vi phạm pháp luật nào khác, có nơi cư trú rõ ràng. Theo quy định chung về xử lý hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội chủ yếu là nhằm mục đích giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh, trở thành công dân có ích cho xã hội. Bị cáo đủ điều kiện hưởng án treo theo hướng dẫn của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, việc áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo đối với bị cáo cũng đủ tác dụng răn đe và phòng ngừa chung. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo và kháng nghị, áp dụng thêm quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017) đối với bị cáo, sửa bản án sơ thẩm về hình phạt.

[4] Về nghĩa vụ chịu án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo và người đại diện hợp pháp không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai, của người bào chữa cho bị cáo phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Văn T, người đại diện hợp pháp của bị cáo Lê Văn T và Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 21/QĐ-VKSLT ngày 30/01/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2024/HS-ST ngày 17/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 65, Điều 90 và Điều 91 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Lê Văn T 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Trộm cắp tài sản". Thời gian thử thách 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao Lê Văn T cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc

người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

3. Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lê Văn T và người đại diện hợp pháp Phạm Thị M không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND huyện Long Thành;
- VKSND huyện Long Thành;
- Phòng PV06 - CA tỉnh Đồng Nai;
- Công an huyện Long Thành;
- Cục THADS tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS H. Long Thành;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo và người đại diện hợp pháp;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Trung Hưng